

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009



**CÔNG TY CỔ PHẦN
GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
MÃ CHỨNG KHOÁN: SSC**

MỤC LỤC

---o0o---

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	3
1. Quá trình hình thành và phát triển.....	3
2. Quá trình phát triển	4
3. Định hướng phát triển	6
II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	6
1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2009	6
2. Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận năm 2009	8
3. Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới...)	9
4. Triển vọng và kế hoạch trong năm 2010 (thị trường dự tính, mục tiêu...).....	11
III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	11
1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2009	11
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009	13
3. Những tiến bộ công ty đã đạt được	13
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	13
IV. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP: 15	
1. Giải trình báo cáo tài chính	15
V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN.....	15
1. Kiểm toán độc lập	15
2. Kiểm toán nội bộ	15
VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN.....	15
VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	16
VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:.....	19
1. Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	19
2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn	23
IX. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	29
1. Báo cáo kết quả SXKD năm 2009 (số liệu đã được kiểm toán).....	29
2. Bảng cân đối kế toán đến ngày 31/12/2009 (số liệu đã được kiểm toán).....	29

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Quá trình hình thành và phát triển

- Đầu năm 1976, Công ty Giống cây trồng phía Nam được thành lập. Đến **1978**, Công ty Giống cây trồng phía Nam được hợp nhất trở thành Chi nhánh I, rồi đổi thành Xí nghiệp Giống cây trồng I (trực thuộc Công ty Giống cây trồng TW) vào năm 1981. Đến năm 1989 Bộ Nông Nghiệp có quyết định chia tách và thành lập Công ty Giống cây trồng TW2 trực thuộc Bộ, và đến năm 1993 được đổi tên thành Công ty Giống cây trồng miền Nam.
- Cơ sở vật chất và đơn vị trực thuộc:
 - Trụ sở văn phòng Công ty tại 282 Lê Văn Sỹ, phường 1, Quận Tân Bình, TP. Hồ chí Minh (diện tích 7.784 m²);
 - Trại Giống cây trồng **Cai Lậy** (H. Cai lậy, Tỉnh Tiền Giang) thành lập năm 1983.
 - Trại Giống cây trồng **Cờ Đỏ** (xã Thạnh Phú, H. Cờ Đỏ, Tp.Cần thơ), diện tích 336 ha, nhận bàn giao vào năm 1989.
 - Trại Giống cây trồng **Lâm Hà** (Lâm Đồng), diện tích 38 ha, thành lập năm 1991.
 - Trại Giống cây trồng **Tân Hiệp** (Bình Dương), diện tích 77 ha, thành lập năm 1993 và đến năm tháng 2/2009, được nâng cấp thành **Trung tâm Nghiên cứu Giống cây trồng Miền Nam (SRC)**.
 - Nhà máy Chế biến hạt giống **Củ Chi** (Tp.HCM), xây dựng năm 1995.
 - Chi nhánh Công ty tại **Hà Nội** (Quận Long Biên - Hà Nội), thành lập năm 1997.
 - Trại GCT **Tây Nguyên** (TP.Buôn Ma Thuột – DakLak), xây dựng năm 2005.
 - **Văn Phòng Đại Diện Công ty ở Cambodia** (Phnôm pênh), thành lập tháng 09/2007.
 - **Nhà máy Chế biến Giống cây trồng Hà Nội** (Khu CN Phố nổi A, Hưng Yên) thuộc Chi nhánh Hà Nội, xây dựng năm 2007.
 - **Công ty con: Công ty CP kinh doanh XNK Bắc Nghệ An** (tiền thân là Xí nghiệp chế biến hàng xuất khẩu thuộc Công ty Giống cây trồng Nghệ an đã cổ phần hóa năm 2002). Tổng 12/2009, Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam đã đầu tư 4,20 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 70% VDL(6 tỷ đồng).
- Năm 2002, thực hiện chủ trương của Nhà nước và được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ theo Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 25/3/2002, Công ty được chuyển thành Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam (SSC) là doanh nghiệp ngành giống cây trồng đầu tiên của Việt Nam tiến hành cổ phần hoá, nhà nước nắm giữ 20% vốn điều lệ (60 tỷ đồng).

- Đến tháng 03/2005, cổ phiếu của Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam, mã chứng khoán là SSC, là doanh nghiệp của Ngành Giống cây trồng Việt Nam đầu tiên đã được chính thức niêm yết tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (nay là Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh).
- Tháng 5/2007 Công ty đã phát hành 4 triệu cổ phiếu thưởng để nâng vốn điều lệ của Công ty lên thành **100 tỷ đồng**.

Quan hệ hợp tác nghề nghiệp, quốc tế:

- Công ty là thành viên Hiệp hội Giống cây trồng Châu Á -Thái Bình Dương (APSA) từ 01/03/1995;
- Thành viên Hiệp hội giống cây trồng Việt Nam (VSA) – năm 2002;
- Thành viên Hiệp hội Thương mại Giống cây trồng Việt Nam (VSTA) –Tháng 10/2007;
- Thành viên Câu lạc bộ các công ty niêm yết – năm 2004.

2. Quá trình phát triển

Ngành nghề kinh doanh

Trong hơn 30 năm qua, mặc dù hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có nhiều biến động, trải qua nhiều bước chuyển đổi quan trọng, nhưng Công ty SSC vẫn duy trì tốc độ phát triển vững mạnh, tập trung vào các chức năng:

- Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng nông lâm nghiệp các loại.
- Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại nông sản, vật tư nông nghiệp;
- Thiết kế, chế tạo, lắp đặt, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị chế biến hạt giống và nông sản;
- Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật và phân bón.

Tình hình hoạt động

Ngoài việc sản xuất, cung ứng các giống do các Viện, Trường chọn tạo; trong hơn 16 năm qua (từ năm 1994- 2009) riêng Công ty đã tự chọn tạo được khoảng hơn 100 giống mới phù hợp với yêu cầu thị trường, đưa vào kinh doanh, phục vụ sản xuất. Điển hình là các giống dưa hấu lai An Tiêm 95, các giống Bắp nếp lai MX2, MX4, MX10 là **những giống lai đầu tiên do một đơn vị trong nước lai tạo**.

Trong các tiêu chí để đánh giá sự phát triển về công tác giống của một quốc gia thì tỷ lệ sử dụng giống lai mới trong sản xuất đại trà là một tiêu chí quan trọng. Vì thế, hiện nay Công ty cũng đã tập trung lai tạo, khảo nghiệm nhập nội và không ngừng đưa vào sản xuất nhiều giống lai F1 mới như lúa lai (Bác Ưu 903 KBL, PAC807, HR182), Bắp vàng (SSC 2095, SSC557,

SSC586, SSC131), Bắp nếp (MX6, MX 10), Dưa hấu (An Tiêm 103, An tiêm 109,..), Cà chua (T42, T43, T56), Dưa leo (CuC23, CuC39, CuC134, Cuc71, CuC77), Khổ qua (BiG14, BiG49)...

- 1990 : bắt đầu sản xuất hạt giống rau lai F1 (khởi đầu từ các giống dưa hấu lai)
- 1993 : bắt đầu sản xuất hạt giống Bắp lai F1
- 1995 : thành lập Phòng Nghiên cứu Phát triển để chọn tạo giống của Công ty.
- 1996 : áp dụng công nghệ sấy trái bắp giống nhằm cải thiện chất lượng hạt giống.
- 1997 : tách riêng và thành lập Phòng Kiểm nghiệm hạt giống, đến tháng 10/2009 nâng cấp thành phòng Quản lý chất lượng. Liên tục từ năm 2000-2009, được Bộ Nông Nghiệp công nhận là Phòng Kiểm nghiệm chính thức cấp ngành.
- 1999 : bắt đầu sản xuất hạt giống lúa lai F1.
- 2003 : hệ thống quản lý chất lượng của Công ty đạt tiêu chuẩn ISO 9001 : 2000, đến năm 2009 đã cập nhật phiên bản mới ISO 9001 : 2008.
- 2009: Triển khai dự án tái cấu trúc công ty và xây dựng mô hình quản lý công ty theo giá trị.
- Tháng 03/2009: Thành lập Trung tâm nghiên cứu Giống cây trồng miền Nam (trụ sở tại: xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương) trên cơ sở hợp nhất Phòng Nghiên cứu phát triển và Trại GCT Tân Hiệp.
- Tháng 12/2009: Công ty đã đầu tư 70% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần XNK Bắc Nghệ An để phát triển mạnh thị trường bắc Trung Bộ và Lào.

Thành tích:

- 1980 : Chủ Tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng 3 cho Công ty (Lúc đó SSC là đơn vị thành viên Công ty Giống cây trồng TW).
- 2001 : Chủ Tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng 1 cho Công Ty.
- 2005: Chủ Tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động cho tập thể CBNV Công ty.
- Nhiều năm liền được Chính phủ, Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tặng cờ thi đua.
- Giải thưởng **Bông Lúa vàng** Hội chợ NN Quốc tế Cần Thơ 5 năm liền (1998 – 2003);
- Giải thưởng “**Thương hiệu Bận nhà nông Việt Nam**” 06 năm liền (2004 – 2009) do Bộ Công thương trao tặng.
- Được tặng cúp vàng “**Thương Hiệu Chứng Khoán Uy Tín & Công Ty Cổ Phần hàng đầu Việt Nam**” năm 2008.
- Danh hiệu “**Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam - Lào - Cambodia**” năm 2008 do Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ công nhận.

3. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của công ty:
 - Duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu hàng năm 15-20%.
 - Giữ thị phần trong nước: bắp lai trên 20%; tăng thị phần lúa lai trên 10%.
 - Từng bước phát triển thị trường lúa lai, hạt rau lai đạt hiệu quả kinh doanh cao qua việc chủ động tăng cường hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh.
 - Đa dạng hoá mặt hàng và sản phẩm giống, vật tư nông nghiệp.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Tăng cường nguồn nhân lực, cơ sở vật chất kỹ thuật cho công tác nghiên cứu, sản xuất và chế biến nhằm nâng cao chất lượng và đa dạng hoá chủng loại sản phẩm; Tăng cường hợp tác với các cơ quan nghiên cứu, viện trường trong và ngoài nước về ứng dụng công nghệ sinh học, chọn tạo nguồn giống bố mẹ chất lượng cao để sản xuất trong nước; Tăng cường hợp tác trong sản xuất, kinh doanh bán hạt giống, duy trì và phát triển thị phần trong nước bằng tăng cường tiếp thị, trình diễn và bán hàng chuyên nghiệp, đồng thời mở rộng thị trường sang Lào và Cambodia; triển khai dự án Trung tâm thương mại tổ hợp văn phòng-căn hộ cao cấp tại 282 Lê Văn Sỹ.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2009

Tình hình thị trường

- Khủng hoảng kinh tế thế giới có dấu hiệu phục hồi ở hầu hết các quốc gia. Tăng trưởng GDP của Việt Nam 2009 là 5,3% và CPI 7% cho thấy nền kinh tế có chiều hướng tăng trưởng tốt trong những năm tới.
- Thời tiết diễn biến bất thường như mưa vụ Đông Xuân miền Nam, bão lũ ở miền Trung và Tây nguyên, khô hạn vụ Đông ở miền Bắc đã ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.
- Giá bắp thương phẩm, lúa thấp ảnh hưởng đến diện tích sản xuất, làm giảm nhu cầu giống.
- Nhu cầu về hạt giống chất lượng cao cho sản xuất có xu thế ngày càng gia tăng. Tuy nhiên, trong năm qua một số sản phẩm hạt giống dự trữ không đủ hoặc sản xuất cung ứng không kịp thời làm mất đi một số cơ hội kinh doanh và ảnh hưởng đến hoạt động phát triển thị trường.
- Một số sản phẩm mới đã được thị trường chấp nhận: bắp vàng SSC586, SSC2095; bắp nếp MX10, MX6; lúa lai PAC807, Bắp ưu 903 KBL... góp phần gia tăng doanh thu, lợi nhuận và thị phần.
- Chính sách bán hàng linh hoạt và chính sách tiếp thị hợp lý đã đẩy mạnh tiêu thụ các sản phẩm mới.
- Tình hình cạnh tranh về thị trường và vùng nguyên liệu giữa các Cty ngày càng gay gắt.

- Về mặt ưu đãi đầu tư: Tổng cục thuế đã có công văn số 149/TCT-PC ngày 14/01/2010 v/v “ưu đãi đối với doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu giai đoạn 2004-2006” giải quyết việc Công ty được hưởng giảm 100% thuế thu nhập trong năm 2005 & 2006; được tiếp tục hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với sản phẩm giống cây trồng với thuế suất 20% và được giảm 50% thuế TNDN do cổ phần hóa cho đến hết năm 2009. Từ năm 2010 Công ty sẽ chịu thuế suất thuế TNDN là 20% đối với sản phẩm giống cây trồng và không còn được hưởng ưu đãi thuế do cổ phần hóa và niêm yết chứng khoán 2004-2006.

Về hoạt động đầu tư tài chính và bán cổ phiếu quỹ:

Từ tháng 6/2008-9/2008 công ty mua 100.000 cổ phiếu quỹ (giá mua bình quân 27.180 đồng/CP) để tham gia bình ổn giá cổ phiếu khi thị trường chứng khoán có dấu hiệu khó khăn. Từ tháng 6/2009-8/2009 bán 100.000 CP quỹ, trị giá 4.966,82 triệu, bình quân 49.668 đồng/CP, thặng dư vốn 2.265,22 triệu đồng.

- Tháng 12/2009 Công ty đã thực hiện góp vốn 70% vào Công ty CP XNK Bắc Nghệ An (có vốn điều lệ 6 tỷ đồng) để trở thành công ty mẹ của công ty này.
- Tiến hành các thủ tục thành lập công ty CP cơ khí Giống cây trồng miền Nam với vốn điều lệ 4 tỷ đồng, dự kiến bắt đầu hoạt động trong quý 2/2010.

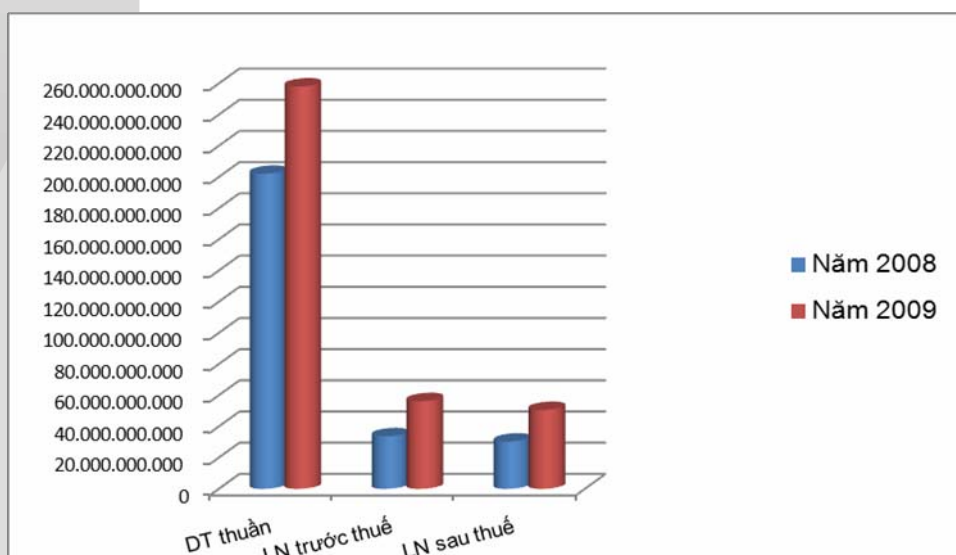
Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm: (lợi nhuận, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm cuối năm 31/12/2009)

+ Tổng Doanh thu thuần	: 258,129 tỷ đồng
+ Giá vốn	: 155,000 tỷ đồng
+ Lãi gộp	: 103,129 tỷ đồng
+ Lợi nhuận trước thuế	: 56,668 tỷ đồng
+ Lợi nhuận sau thuế	: 50,633 tỷ đồng

Cụ thể tình hình thực hiện doanh thu và lợi nhuận năm 2009 so với năm 2008:

(Đơn vị tính: đồng)

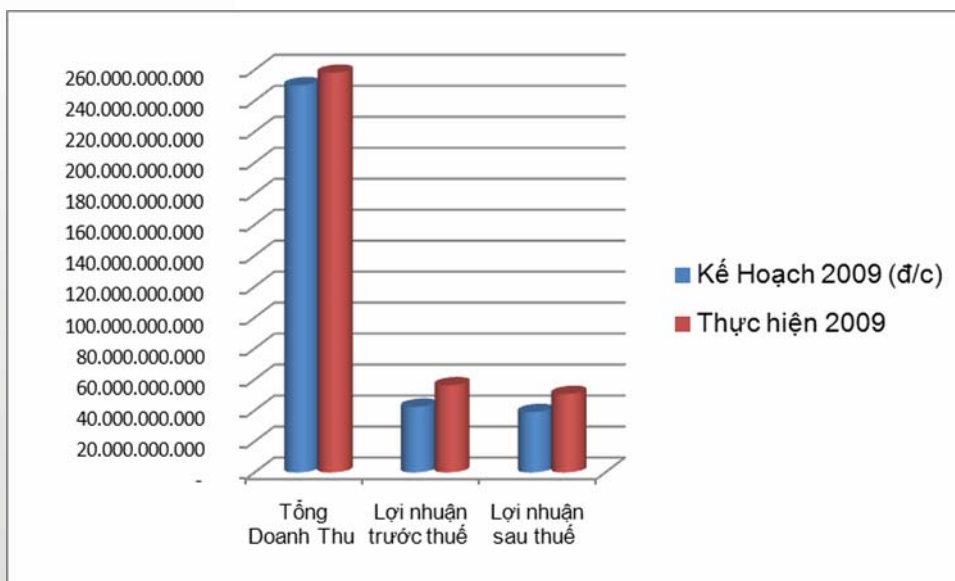
Stt	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2008	So Sánh 09/08
I	Tổng Doanh Thu	258.129.748.094	202.103.221.415	127,72%
	Giá vốn	155.000.215.566	134.505.807.411	115,24%
	Lãi gộp	103.129.532.528	67.597.414.004	152,56%
	CPQL & Bán hàng	50.208.875.554	35.348.931.120	142,04%
II	Lợi nhuận trước thuế	56.279.338.528	33.734.177.556	166,83%
1	LN từ HD SXKD	52.920.656.974	32.248.482.884	165,14%
2	LN từ HD tài chính	2.748.039.123	1.461.677.321	188,01%
3	Thu nhập khác	610.642.431	24.017.351	2542,51%
III	Thuế TNDN	5.645.391.704	3.413.577.169	165,38%
VI	Lợi nhuận sau thuế	50.633.946.824	30.320.600.387	167,00%



2. Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận năm 2009

(Đơn vị tính: đồng)

STT	CHỈ TIÊU	Kế Hoạch 2009 (đ/c)	Thực hiện 2009	SS với KHĐC
I	Tổng Doanh Thu	250.000.000.000	258.129.748.094	103,25%
	Giá vốn	165.125.497.390	155.000.215.566	93,87%
	Lãi gộp	84.874.502.610	103.129.532.528	121,51%
	CPQL & Bán hàng	42.500.000.000	50.208.875.554	118,14%
II.	Lợi nhuận trước thuế	42.374.502.610	56.279.338.528	132,81%
1	<u>LN từ hoạt động SXKD</u>	42.374.502.610	52.920.656.974	124,89%
2	<u>LN từ hoạt động tài chính</u>	-	2.748.039.123	
3	<u>Thu nhập khác</u>	-	610.642.431	
III.	Thuế TNDN	3.374.502.610	5.645.391.704	167,30%
IV.	Lợi nhuận sau thuế	39.000.000.000	50.633.946.824	129,83%



Lợi nhuận năm 2009 tăng do các nguyên nhân:

- Nhu cầu hạt giống bắp tăng trưởng mạnh trong đông xuân;
- Giá bán hạt giống bắp đầu năm tăng; đã áp dụng cơ chế điều hành giá bán hạt giống, VTNN linh hoạt theo giá thị trường và tỷ giá hối đoái.
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính tăng do thu hồi công nợ tốt, nguồn tiền mặt tăng nên chi phí lãi vay thấp và khoản lãi do gửi ngân hàng tăng.

Tuy nhiên lợi nhuận còn có thể tăng cao hơn nếu không chịu các nguyên nhân làm giảm lợi nhuận sau:

- * Chi phí bán hàng tăng do điều chỉnh tăng chiết khấu thương mại, thanh toán cho khách hàng.
- * Xử lý hàng hoá kém phẩm chất sản xuất tồn kho từ các năm trước.
- * Giá bán bắp nông sản giảm mạnh vào thời điểm cuối năm.
- * Giá giống lúa thuần giảm mạnh do giá lúa gạo giảm.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới...)

Hoạt động nghiên cứu:

Trong năm 2009 đã đưa vào thị trường một số giống triển vọng:

- **Bắp vàng:** 3 giống (giống SSC586 ở phía Nam; Giống SSC557 và 131 ở phía Bắc).
- **Bắp nếp lai:** 1 giống (giống MX6 tiêu thụ khá và được thị trường chấp nhận).
- **Lúa lai:** 3 giống (Nam Ưu 603, 604, HR 182 thích nghi rộng và năng suất cao, chất lượng gạo ngon).
- **Dưa leo:** 2 giống (giống Cuc 472 ở phía Nam và Cuc 71 ở phía Bắc).
- **Dưa hấu:** Giống An Tiêm 119 có triển vọng ở các tỉnh phía Bắc.

Hoạt động đầu tư XDCB và mua sắm máy móc thiết bị:

Tổng mức kế hoạch đầu tư và xây dựng cơ bản năm 2009 là **14.407,33** triệu đồng cho 12 hạng mục công trình. Tuy nhiên, do thủ tục giấy phép xây dựng Trại GCT Lâm Hà, đường nhựa vào Trạm Tây nguyên triển khai chậm nên chưa thể triển khai trong năm; vốn đầu tư thực tế: **5.127,70** triệu đồng (BK số 04/BCTN2009), gồm các hạng mục như sau:

Stt	NỘI DUNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Thực hiện năm 2009 (triệu đồng)
1	Tiền SD đất và chuyển đổi GCQ (2.900 m2) Trại GCT Củ Chi	1.279,20	998,43
2	Máy coating, hút ẩm, PCCC Cường Thành (Trạm GCT Củ Chi)	500,00	768,59
3	Làm đường, Cản điện tử (Trạm GCT Tây Nguyên)	500,00	25,08
4	Văn phòng, nhà xưởng, thiết bị, phytotron (Trại GCT Lâm Hà)	5,655,01	11,74
5	Mua xe nâng cho NM GCT Hà Nội	400,00	257,85
6	Ứng dụng tin học quản lý doanh nghiệp	300,00	0
7	Tư vấn tái cấu trúc quản lý & mô hình quản lý	700,00	305,88
8	Phòng Lab, nhà kính, máy kéo, máy sấy, Trạm biến áp,... (TT NC GCT Miền Nam)	2.474,68	610,72
9	Khu NC Lúa lai Cai lậy	798,44	789,09
10	Làm mái che nổi kho (Trạm GCT Cai Lậy)	0	65,36
11	Mua 02 xe Innova	1.200,00	1.186,87
12	Nhà khách, sửa chữa hội trường & kho; Nạo vét kênh mương; cản điện tử (Trại GCT Cờ Đỏ)	600,00	108,08
TỔNG CỘNG		14.407,33	5.127,70

Các hạng mục còn lại tiếp tục thực hiện trong năm 2010. Một số hạng mục đầu tư phát huy hiệu quả: máy xử lý coating hạt giống, xe nâng hàng, chuyển đổi quyền sử dụng đất toàn bộ lô đất Trại Củ chi.

Hoạt động liên doanh

Dự án liên doanh SSC-DAEWON: Các thông số kỹ thuật theo thiết kế sơ bộ: 2 tầng hầm & 17 tầng cao, diện tích sàn nhà kinh doanh khoảng 38.000 m²; trong đó 3 tầng dành cho thương mại và văn phòng và 14 sàn sử dụng cho căn hộ (khoảng 243 căn hộ). Phòng Quản lý đô thị quận Tân Bình cơ bản chấp nhận thiết kế sơ bộ, đồng ý các chỉ tiêu về mật độ xây dựng, dân cư, số tầng cao công trình. Tuy nhiên theo yêu cầu của UBND quận Tân Bình, Công ty còn đang tiếp tục xây dựng phương án thỏa thuận đền bù giải phóng mặt bằng mở rộng đường vào công trình; dự kiến có thể nhận giấy phép xây dựng trong quý 3/2010.

Thâm nhập thị trường nước ngoài:

Sau khi Việt Nam & Cambodia thỏa thuận miễn thuế xuất nhập khẩu cho một số mặt hàng nông sản đã tác động làm tăng diện tích sản xuất nông nghiệp tại Cambodia; đồng thời diện tích sản xuất bắp tại Lào tăng mạnh từ năm 2008; do vậy khối lượng bắp lai của Công ty bán vào

thị trường Cambodia & Lào tăng trưởng mạnh bù đắp khối lượng giảm trong nước do diện tích trồng khoai mì tăng đột biến (giá thu mua tăng gấp 2 lần); ngoài ra, Văn phòng Đại diện SSC tại Cambodia tiếp tục tăng cường công tác tiếp thị và xúc tiến thương mại, hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân và tập trung phát triển thêm thị trường hạt giống lúa thuần, đậu, rau các loại.

4. Triển vọng và kế hoạch trong năm 2010 (thị trường dự tính, mục tiêu...)

- Doanh thu KH năm 2010: 333,672 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế KH: 64,127 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế KH: 51,467 tỷ đồng

Các mục tiêu nhiệm vụ thực hiện năm 2010:

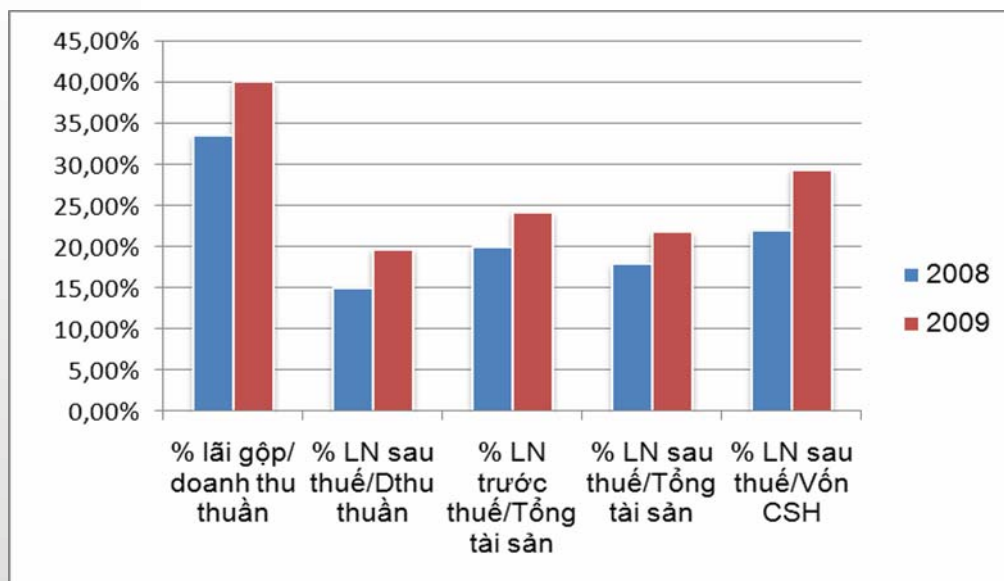
- Tăng trưởng doanh thu trên 20% và lợi nhuận trước thuế tăng 10%; duy trì lợi nhuận sau thuế tương đương mức thực hiện năm 2009 trong bối cảnh tình hình suy thoái kinh tế toàn cầu, giá nông sản duy trì ở mức thấp và không còn được hưởng ưu đãi miễn giảm thuế TNDN từ 2010.
- Kiểm soát chặt chẽ các rủi ro tài chính;
- Tập trung giải quyết tái cấu trúc tổ chức Công ty và xây dựng mô hình quản lý theo giá trị; tăng cường hoạt động của Trung tâm nghiên cứu GCT miền Nam;
- Chuyển Xưởng cơ khí thành Công ty Cổ phần Cơ khí, đây sẽ là công ty con thứ hai của SSC.
- Tập trung giải quyết các thủ tục hành chính với các Cơ quan quản lý nhà nước để nhận giấy phép xây dựng dự án 282 LVS trong quý III năm 2010.
- Xây dựng cơ sở kho bảo quản để tăng công suất chứa hàng nhằm thực hiện nhiệm vụ KH 5 năm (2010-2014).

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2009

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:
- + Khả năng sinh lời :

Khả năng sinh lời	2008	2009	Chênh lệch (+/-)
Tỷ suất lãi gộp/DT thuần	33,45%	39,95%	+ 6,51%
Tỷ suất LN sau thuế/DT thuần	15,00%	19,62%	+4,61%
Tỷ suất LN trước thuế/Tổng tài sản	19,89%	24,17%	+4,27%
Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản	17,88%	21,74%	+3,86%
Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH	21,92%	28,99%	+7,4%



So với năm 2008 khả năng sinh lời trong năm 2009 tăng do đã tận dụng được cơ hội thị trường bán hàng khi giá tăng do nhu cầu hạt giống ngô vụ đông xuân tăng mạnh tạo điều kiện thuận lợi cho kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm.

+ Khả năng thanh toán :

Chỉ số tài chính:	2008	2009	Chênh lệch (+/-)
Tỷ số thanh toán hiện thời (lần)	4,51	3,19	-1,32
Tỷ số thanh toán nhanh (lần)	2,69	2,22	-0,47
Tỷ số thanh toán bằng tiền mặt (lần)	1,74	1,61	-0,13

So với năm 2008, khả năng thanh toán năm 2009 giảm, do trong quý 4/2009 kim ngạch nhập khẩu lúa lai khá lớn cần phải thanh toán sớm vì trong giai đoạn này xu thế tỷ giá hối đoái biến động tăng. Tuy nhiên với số liệu trên công ty vẫn bảo đảm tỷ lệ an toàn trong khả năng thanh toán, cụ thể tỷ số thanh toán bằng tiền mặt là 1,61 lớn hơn mức cho phép là 1 lần.

- Giá trị sổ sách của nguồn vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2009: 172.682.609.822 đồng.
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...): 10.000.000 cổ phiếu
 - + Cổ phiếu thường : 10.000.000 cổ phiếu.
 - + Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu.
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): Không có

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: 9.999.020 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ (nếu có): 980 cổ phiếu
- Cổ tức đã thanh toán trong năm 2009 là 15%/năm (tương đương 14,926 tỷ đồng), trong đó đợt 1: 8% vào tháng 7/2009, đợt 2: 7% vào tháng 2/2010.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009

Doanh thu thuần	: 258,129 tỷ đồng
Gía vốn hàng bán	: 155,000 tỷ đồng
Chi phí bán hàng và quản lý	: 50,208 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế	: 56,279 tỷ đồng
Thuế TNDN (đã giảm 50% do c/s ưu đãi)	: 5.645 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế	: 50,633 tỷ đồng

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

- **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**
 - Tăng cường chính sách khoán thưởng cho bộ phận kinh doanh, sản xuất;
 - Áp dụng mô hình quản lý dự án đối với hoạt động nghiên cứu tại Trung tâm nghiên cứu Giống cây trồng miền Nam nhằm quản lý chi phí đầu tư và đánh giá hiệu quả các đề tài và dự án nghiên cứu.
- **Các biện pháp kiểm soát:**
 - Tăng cường kiểm toán nội bộ các đơn vị trực thuộc 6 tháng/lần;
 - Tháng 3/2010 thành lập Ban Kiểm soát nội bộ.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

4.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2009 và xu hướng thị trường năm 2010, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010 như sau (BK:01/BCTN2009):

Tổng doanh thu thuần kế hoạch: 332,672 tỷ đồng, trong đó:

- **Hạt giống:** 301,820 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 90,7%, trong đó:
 - *Lúa các loại:* 108,180 tỷ đồng
 - *Bắp lai:* 157,651 tỷ đồng
 - *Hạt rau:* 20,903 tỷ đồng
 - *Hạt cỏ:* 0,697 tỷ đồng
 - *Đậu các loại:* 14,390 tỷ đồng
- **Vật tư nông nghiệp:** 16,400 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 4,9%
- **Bắp thương phẩm:** 5,700 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 1,7%
- **Xăng dầu** 3,750 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 1,1%

- Sản phẩm cơ khí: 5,000 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 1,5%

4.2 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2010:

KH lợi nhuận năm 2010 toàn công ty (bao gồm các công ty con): (BK số: 02/BCTN2009)

- Doanh thu KH năm 2010: 333,672 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế KH: 64,127 tỷ đồng *(Trong đó lợi nhuận của công ty CP KD XKN Bắc Nghệ an dùng để bù lỗ các năm trước là 940,635 triệu đồng)*
- Lợi nhuận sau thuế KH: 51,467 tỷ đồng
- Cổ tức dự kiến: 18,700 tỷ đồng

Trong đó KK lợi nhuận năm 2010 của riêng công ty SSC: (BK số: 02/BCTN2009)

- Doanh thu KH năm 2010: 310,334 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế KH: 62,500 tỷ đồng
(bao gồm cả lợi nhuận hoạt động tài chính)
- Lợi nhuận sau thuế KH: 50,000 tỷ đồng
- Cổ tức dự kiến (15% VDL): 18,500 tỷ đồng

4.3 Kế hoạch Đầu tư XDCB (BK số:05/BCTN2009)

Vốn đầu tư thực hiện cho các dự án phân bổ trong năm 2010 là 19.676,72 triệu đồng và 2 triệu USD; bao gồm các dự án đầu tư sau:

- **Trạm GCT Củ Chi:** 1.603,77 triệu đồng, bao gồm các hạng mục: Máy sàng phân ly trọng lượng, máy xử lý polymer, mái che kho, nền kho cường thành, cổng & nhà bảo vệ, kho mát.
- **Trạm GCT Tây Nguyên:** 1.773,17 triệu đồng, bao gồm các hạng mục: đường nhựa vào Trạm, 2 máy sấy & nhà bao che, xe tải 4,5 tấn, máy hút hạt.
- **Trại GCT Lâm Hà:** xây dựng Văn phòng làm việc, nhà ở tập thể, nhà kho và thiết bị tại xã Tân Văn, H.Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; vốn đầu tư dự kiến là 6.845,56 triệu đồng.
- **Nhà máy CB GCT Hà Nội:** mua xe tải 4,5 tấn.
- **Trạm Cai Lậy:** 1.165,5 tỷ đồng, bao gồm các hạng mục: nhà kho, bin sấy, máy hút hạt.
- **Trung tâm nghiên cứu GCT miền Nam:** 2 bin sấy & nhà bao che, nhà lưới, thiết bị phòng lab, cải tạo 10 ha đất trồng keo.
- **Trại GCT Cờ Đỏ:** 1.438 triệu đồng, bao gồm các hạng mục xây dựng nhà khách, hội trường, xe nâng, máy hút hạt 600 triệu đồng.

Văn phòng công ty: 3.392,67 triệu đồng, bao gồm: mua 01 xe 4 chỗ ngồi và 01 xe tải nhẹ 1,25T; tiếp tục thực hiện dự án tái cấu trúc (394,12 triệu đồng) và tin học hóa quản lý (1.198 triệu đồng).

Riêng dự án Tổ hợp "TT thương mại-văn phòng-căn hộ Daewon-SSC sẽ do công ty liên doanh thực hiện.

IV. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

1. Giải trình báo cáo tài chính

Xem phụ lục báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2009 đính kèm.

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: **Công Ty Tư vấn và Kiểm toán CA&A**

- Ý kiến kiểm toán độc lập

“ Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm theo bảng báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính vào ngày 31/12/2009 của Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày 31/12/2009 và được lập phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.”.

- Các nhận xét đặc biệt: Không có.

2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ : không có

- Các nhận xét đặc biệt: không có

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty

Tính đến ngày 15/3/2010, không có bất kỳ công ty nào nắm trên 50% vốn điều lệ của SSC.

- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ

Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:

- **Công ty CP KD XNK Bắc Nghệ An (NNA)**, tiền thân là Xí nghiệp chế biến hàng XNK thuộc Công ty Giống cây trồng Nghệ an đã được cổ phần hóa năm 2002 theo Quyết định số 5210/QĐ-UB ngày 31/12/2001 của UBND tỉnh Nghệ an có vốn điều lệ ban đầu là 726.176.000 đồng, số lao động có đến 31/12/2009 là 23 người, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh Giống cây trồng, XNK nông sản, phụ tùng gắn máy, xăng dầu. Năm 2003 lập dự án liên doanh xây dựng nhà máy chế biến nông sản thực phẩm Tân Châu, tuy nhiên trong những năm 2008- 2009 hoạt động kinh doanh của công ty NNA không hiệu quả. Đến tháng 12/2009 công ty NNA phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn lên 6 tỷ đồng, công ty SSC đã đầu tư mua 420.000 CP giá 10.000 đồng/CP để sở hữu 70% vốn điều lệ.

Thông tin về tài sản của công ty cổ phần KD XNK Bắc Nghệ an:

* **Khu vực văn phòng:** tại xã Diễn Thịnh – Diễn Châu – Nghệ An (cách Tp. Vinh : 36km)

- Diện tích lô đất tại văn phòng (đã trừ đất hành lang giao thông theo chỉ giới) là 1.667 m²; Thời gian thuê đất tại văn phòng là 20 năm kể từ năm 2004. Bao gồm:

+ 13 gian kho giống kỹ thuật số 1 là 8 gian = 375m²; Công suất chứa giống của hai kho khoảng 300 tấn giống.

+ Một nhà xưởng sấy giống, diện tích là 200m² có công suất sấy lúa: 15tấn/mẻ, ngô 20tấn/ mẻ.

+ Một kho trệt 4 gian DT là 65 m²

+ Một nhà làm việc hai tầng = 150m²

+ Một cửa hàng xăng dầu DT= 43m².

* **Nhà máy chế biến NSTP Tân Châu**, tại xã Diên Phúc, H.Diên Châu, Nghệ An cách quốc lộ 1A 800m về phía tây, diện tích lô đất =7.150m², thuê 30 năm từ năm 2004. Bao gồm:

- Văn phòng và nhà làm việc 2 tầng, diện tích 510m²

- Nhà xưởng chế biến 1.200m²

➤ Trong quý 1/2010, thành lập công ty cổ phần cơ khí Giống cây trồng miền Nam trên cơ sở Xưởng cơ khí, có vốn điều lệ 4 tỷ đồng, trong đó công ty SSC sẽ sở hữu tối thiểu 51%, phần còn lại phát hành cho CBNV và các tổ chức cá nhân bên ngoài.

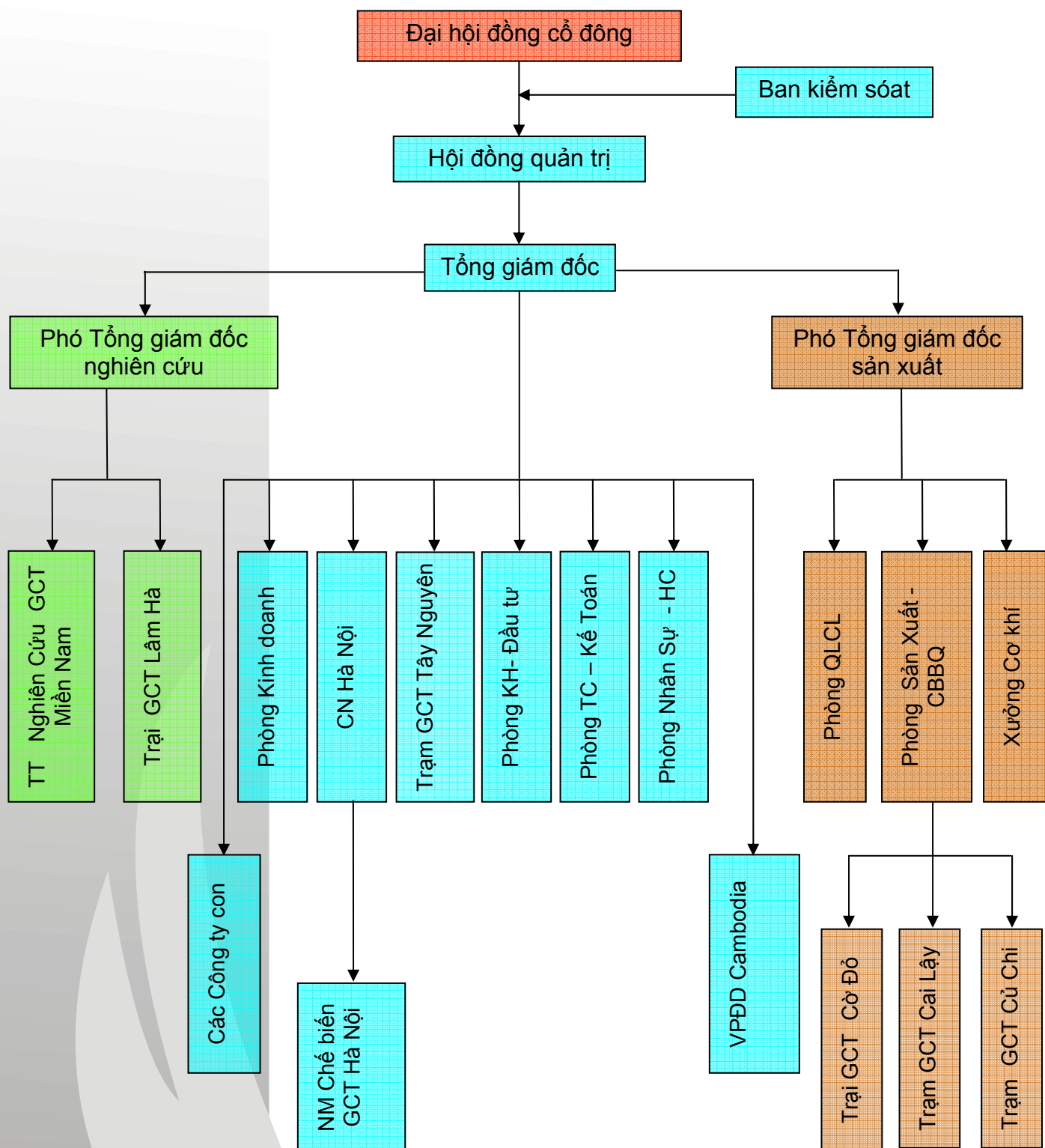
Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan

➤ Tiếp tục thực hiện hợp đồng liên doanh dự án 282 Lê Văn Sỹ đã ký với Công ty Daewon và công ty Jayoung, trong đó công ty góp 49% vốn liên doanh bằng giá trị quyền sử dụng đất. Sau khi Sở xây dựng Tp.HCM cấp giấy phép xây dựng cho dự án, Liên doanh sẽ tiến hành làm thủ tục cấp giấy phép đầu tư.

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Cơ cấu tổ chức của công ty

- Cơ cấu tổ chức của SSC bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và 14 Phòng và đơn vị trực thuộc.



Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

- ✚ Tổng giám đốc: **Hàng Phi Quang** sinh năm 1959, trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế, cử nhân kinh tế ngoại thương; đã hoàn thành chương trình cử nhân luật kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM (2007-2009); 1989-1993: Kế toán trưởng công ty GCT TW2; 1993-2002 lần lượt đảm nhận các chức vụ: Kế toán trưởng, Phó giám đốc Công ty XNK Côn Sơn; 07/2002-04/2007 Phó Tổng giám đốc Công ty CP GCT miền Nam; 04/2007 -04/2008: Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP GCT miền Nam; từ 04/2008 đến nay: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP GCT miền Nam.
- ✚ Phó Tổng giám đốc: **Nguyễn Hoàng Tuấn** sinh năm 1958, trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Nông học; 1992 – 1996 Phó trưởng phòng kỹ thuật Công ty GCT miền Nam; 1996 - 2005 Trưởng phòng kỹ thuật Công ty GCT MN; 2005 – đến nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP GCT miền Nam.
- ✚ Phó Tổng Giám đốc: **Dương Thành Tài**, sinh năm 1956; Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Lai tạo giống cây trồng; 1997 - 2000: Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty Giống cây trồng Thành phố Hồ Chí Minh; 2000 - 06/2002 : Nghiên cứu viên, Công ty Giống cây trồng miền Nam; 07/2002 – 06/2005: Trưởng phòng Nghiên cứu & Phát triển, Công ty cổ phần Giống Cây Trồng miền Nam; 06/2005 – 04/2008: Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng Nghiên cứu & Phát triển, Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam; 06/2008 đến nay Phó Tổng Giám đốc phụ trách Nghiên cứu, Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam.

- Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm

Trong năm 2009 không có sự thay đổi vị trí Tổng giám đốc.

- Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc

* Tiền lương của Tổng giám đốc thực hiện theo quyết định phê duyệt của HĐQT là 25 triệu đồng/tháng và tiền thưởng thi đua 6 tháng/lần và thưởng/phạt theo mức độ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận theo quy định của HĐQT;

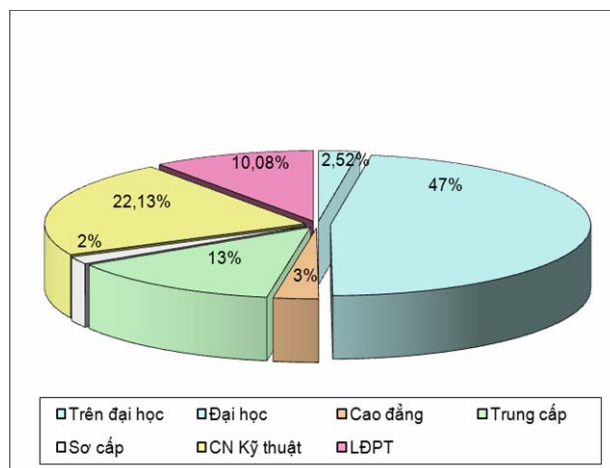
* Tiền lương của các Phó Tổng giám đốc do Tổng giám đốc phê duyệt căn cứ vào quy định lương hiện hành của Công ty và tiền thưởng thi đua 6 tháng/lần.

Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

- Tổng số lao động đến 31/12/2009 là 357 lao động.

Trong đó:

- * Trên đại học: 09 người, tỷ lệ: 2,52%
- * Đại học: 169 người, tỷ lệ: 47,34%
- * CĐ & T.cấp: 58 người, tỷ lệ: 16,25%
- * Công nhân nghề, Lao động phổ thông: 121 người, tỷ lệ: 33,89%



Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ đối với người lao động theo quy định của pháp luật, duy trì các hoạt động tổ chức đoàn thể. Ngoài ra công ty còn thực hiện tốt các chính sách liên quan người lao động như Bảo hiểm tai nạn con người, khám sức khỏe định kỳ, duy trì trợ cấp nghỉ việc cho các cán bộ hưu trí, nâng lương, bù giá vào lương, xét thưởng thi đua 6 tháng một lần, tham quan du lịch, CBNV được tham gia các chương trình đào tạo trong và ngoài nước. Trong tháng 3/2009 đã giải chấp cổ phiếu thưởng đợt 2: 124.410 CP (chiếm 31,10% tổng số cổ phiếu thưởng) và giải chấp CP đợt cuối trong tháng 3/2010: 115.240 CP (chiếm 28,81% tổng số cổ phiếu thưởng); số cổ phiếu thu hồi của một số CBNV nghỉ việc trước thời hạn cam kết: 33.430 CP (chiếm 8,36% tổng số cổ phiếu thưởng).

Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng.

Trong năm 2009, do có 01 thành viên HĐQT từ nhiệm, do vậy tại ĐHĐCĐ thường niên 2008 ngày 10/4/2009 đã thông qua việc bầu bổ sung 01 thành viên độc lập không điều hành; các vị trí thành viên HĐQT khác, Ban TGD, Kế toán trưởng không đổi.

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát

- Thành phần của Hội đồng quản trị gồm có 7 người (trong đó có 2 thành viên độc lập không điều hành); Ban kiểm soát gồm có 3 người (trong đó có 2 thành viên độc lập không điều hành).

- Trong năm 2009, tiếp tục tổ chức thực hiện 03 tiểu ban trong Hội đồng quản trị:
 - + Tiểu ban Nhân sự, lương thưởng
 - + Tiểu ban chính sách phát triển
 - + Tiểu ban kiểm toán nội bộ

- Quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị: Được hưởng thù lao 2% lợi nhuận thực hiện sau thuế và tiền thưởng phạt theo tỷ lệ tăng giảm lợi nhuận so với kế hoạch; các thành viên được Công ty thanh toán chi phí phát sinh trong khi thực hiện nhiệm vụ và tạo các điều kiện thuận lợi thực hiện chức năng của HĐQT, các thành viên không kiêm nhiệm được trả thù lao từ lợi nhuận sau thuế.

Các giao dịch liên quan: không

- Hoạt động của HĐQT

Trong năm qua, Hội đồng quản trị đã tiến hành tổng cộng 11 cuộc họp (định kỳ và bất thường) và ban hành nghị quyết về các vấn đề :

Thành viên tham dự	Số biên bản, ngày họp	Nội dung chính
6/7 Thành viên	Số 01/BB-HĐQT, ngày 22/01/2009	- Tổng kết kết quả thực hiện SXKD năm 2008
		- Kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2009
		- Phê duyệt giá trị tổn thất do sản phẩm mất phẩm chất
		- Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2008
		- Thông qua đơn từ nhiệm của ủy viên Lưu Bích Hoài Thi
6/7 Thành viên	Số 02/BB-HĐQT, ngày 10/03/2009	- Điều chỉnh bổ sung mức cổ tức năm 2008
		- Vay vốn Ngân hàng Thương mại China Trust, Chi nhánh tại TP.HCM
6/7 Thành viên	Số 03/BB-HĐQT, ngày 21/03/2009	- Thông qua các tài liệu báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên 2008
		- Công tác nhân sự bầu bổ sung thành viên HĐQT
		- Xây dựng các quy chế hoạt động của HĐQT
7/7 Thành viên	Số 04/BB-HĐQT, ngày 09/05/2009	- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD 4 tháng đầu năm 2009 và phương hướng nhiệm vụ 8 tháng cuối năm
		- Phê duyệt tờ trình xử lý tổn thất do sản xuất bấp giống tại Đắk Lắk
		- Phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2009
		- Xem xét thời điểm kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT
		- Thảo luận việc hợp tác chiến lược với Việt Nam Investment Group (VIG)
		- Xem xét đề án chuyển đổi Xưởng Cơ khí, cơ cấu tổ chức và nhân sự cấp quản lý
6/7 Thành viên	Số 05/BB-HĐQT, ngày 22/6/2009	- Xem xét danh sách các ứng viên được đề cử bổ nhiệm Giám đốc Trạm Tây Nguyên do TGD đề trình
		- Phê chuẩn việc bổ nhiệm ông Trương Thành Dũng- Quyền Giám đốc, giữ chức vụ Giám đốc Trạm GCT Cai Lậy
7/7 Thành viên	Số 06/BB-HĐQT, ngày 23/7/2009	- Đánh giá kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2009 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2009
		- Thông qua phương án thưởng TGD khi thực hiện chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch
		- Xem xét cổ phiếu thưởng của CBNV Cơ khí khi chuyển qua làm việc tại Công ty cổ phần
		- Thông qua chủ trương nghỉ làm việc chiều thứ 7 (44

		giờ/tuần)
5/7 thành viên	Số 07/BB-HĐQT, ngày 31/08/2009	- Thảo luận việc thành lập/hợp tác với Công ty cổ phần Kinh doanh XNK Bắc Nghệ An (Nghệ An IMEXCO)
5/7 thành viên	08/BB-HĐQT, ngày 21/09/2009	- Thảo luận phương án và tiến trình mua cổ phần chi phối của Nghệ An IMEXCO - Thảo luận Quy chế người đại diện phần vốn góp của SSC tại các doanh nghiệp
6/7 thành viên	09/BB-HĐQT, ngày 03/11/2009	- Thảo luận phương án mua cổ phần chi phối của Nghệ An IMEXCO
7/7 thành viên	10/BB-HĐQT, ngày 06/11/2009	- Đánh giá kết quả hoạt động SXKD 9 tháng đầu năm và nhiệm vụ những tháng còn lại - Báo cáo tiến trình hợp tác với Nghệ An IMEXCO - Báo cáo tiến độ thực hiện Dự án tái cấu trúc và xây dựng mô hình quản lý Công ty - Thảo luận KH SXKD-ĐTXDCB-Tài chính 2010 - Phê duyệt phương án chuyển đổi Xưởng Cơ khí thành Công ty cổ phần - Phê chuẩn nhân sự Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ
6/7 thành viên	11/BB-HĐQT, ngày 15/12/2009	- Thông qua Quy chế người đại diện phần vốn góp của SSC tại các doanh nghiệp - Hợp tác đầu tư với Nghệ An IMEXCO (<i>sửa đổi điều lệ, Phương án SXKD 2010 -2012; nhân sự lãnh đạo</i>) - Xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển đổi XCK thành Công ty cổ phần - Nhân sự lãnh đạo của XCK khi chuyển thành Công ty cổ phần - Xác định thuế TNDN phải nộp năm 2005 -2006 khi hưởng ưu đãi khi cổ phần hóa và niêm yết - Hợp thức hóa thủ tục sở hữu Văn phòng CNHN

- Hoạt động của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên

Trong năm 2009, Ban kiểm soát (BKS) tiếp tục nhận được sự phối hợp, tạo điều kiện của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Điều hành (BDH) cùng các đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. BKS đã thực hiện đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm của mình thực thi nhiệm vụ thông qua việc tiếp nhận và xử lý thông tin bên trong và bên ngoài có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. BKS tổ chức họp các thành viên định kỳ hàng quý và thường xuyên tổng kết các công việc đã triển khai và thống nhất nội dung cũng như ý kiến, đưa ra ý kiến cho HĐQT & Ban điều hành.

Thông qua các kỳ kiểm tra các đơn vị, BKS đều có những báo cáo đánh giá những tồn tại, nguyên nhân, xác định các rủi ro có thể xảy ra và đề xuất các kiến nghị đồng thời giám sát những quá trình khắc phục tồn tại.

- Tiến hành kiểm soát hoạt động của Trung tâm nghiên cứu Giống Cây Trồng Miền Nam về tình hình mua sắm sử dụng tài sản cố định, công tác XD CB, việc sử dụng quỹ đất và xây dựng Khu nghiên cứu lúa lai tại Cai Lậy.

- Tiến hành kiểm tra về nghiệp vụ quản lý tài chính, công nợ, nghiệp vụ nhập xuất hàng hóa, nghiệp vụ Marketing phát triển thị trường.
- Tiến hành kiểm soát việc đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Kinh doanh XNK Bắc Nghệ An với giá mua bằng mệnh giá là 10.000 đ/cổ phần. Tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 70% (Tổng vốn điều lệ: 6 tỷ đồng)

Qua các đợt kiểm tra, Ban kiểm soát lập biên bản làm việc chuyển đến Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc điều hành nhằm có những định hướng điều chỉnh trong công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh được tốt hơn.

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

- * Xây dựng các quy chế, quy định về quản lý các công ty con.
- * Giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định hiện hành.
- * Tăng cường hoạt động của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008
- * Tăng cường giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc và các Trưởng đơn vị.

- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát

* Căn cứ vào phương án chi trả thù lao cho HĐQT & BKS năm 2009 đã được ĐHĐCĐ thường niên 2008 biểu quyết thông qua tại Đại hội ngày 10/04/2008. Theo đó :

- Tổng thù lao chi trả cho HĐQT & BKS năm 2009 là 2% lợi nhuận sau thuế kế hoạch.
- Mức thù lao thưởng, phạt căn cứ theo tỷ lệ % tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế thực hiện so với kế hoạch theo quy định hiện hành.
- Căn cứ lợi nhuận thực hiện 50,633 tỷ đồng vượt KH LN điều chỉnh 29,6% nên tổng mức thù lao trả cho thành viên HĐQT và BKS (10 người) trong năm 2009 là: 1.244.697.341 đồng (xem chi tiết BK số 06/BCTN2009);
- Chi phí công tác thực hiện theo quy định chung của công ty.

- Số lượng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

* 7/7 thành viên HĐQT đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty, trong đó có 2 Thạc sỹ Kinh tế và 2 Thạc sỹ nông học.

* 3/3 thành viên Ban kiểm soát tốt nghiệp Đại học ngành Kinh tế- Tài chính.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm:

Stt	Họ tên	Số cổ phần sở hữu đến 13/3/09	Số cổ phần sở hữu đến 15/3/10	Số cổ phần thay đổi (+/-)
	Hội đồng quản trị:	320.230	315.230	-5.000

1	Ngô Văn Giáo	50.000	50.000	0
2	Hàng Phi Quang	52.110	52.110	0
3	Nguyễn Tiến Hiệp	9.550	4.550	-5.000
4	Nguyễn Hoàng Tuấn	85.990	85.990	0
5	Hồ Văn Đoàn	86.690	86.690	0
6	Phạm Quang Dương	35.890	35.890	0
7	Võ Đắc Khôi	0	0	0
	Ban kiểm soát:	30.590	30.590	0
1	Nguyễn Hoàng Công	2.100	2.100	0
2	Phan Sum	27.020	27.020	0
3	Lê Quang Hồng	1.470	1.470	0

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

Ngoại trừ có 1 thành viên HĐQT giảm 5.000 cổ phần, số cổ phần SSC nắm giữ của các thành viên HĐQT và BKS còn lại không thay đổi trong năm 2009.

- Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước:

Công ty quản lý và đầu tư vốn nhà nước (SCIC) hiện đang sở hữu 1.920.000 CP (19,2% vốn điều lệ công ty; Đại diện phần vốn nhà nước: ông Ngô Văn Giáo – chủ tịch HĐQT công ty SSC.

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn:

- Số lượng cổ đông đến ngày 15/3/2010: 1.183 cổ đông.

- Số lượng cổ phần nắm giữ của các cổ đông ngoài tổ chức phát hành: 9.899.020 cổ phiếu (không tính 980 CP quỹ).

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông: đến 15/03/2010 cơ cấu cổ đông như sau:

🇻🇳 Cổ đông Nhà nước:	19,20 %
🇻🇳 Cổ đông là cán bộ, nhân viên Công ty:	8,88%
🇻🇳 Cổ đông là cá nhân, tổ chức trong nước bên ngoài Cty:	35,18%
🇻🇳 Cổ đông là cá nhân, tổ chức nước ngoài:	36,72%

2.3. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài

Tên tổ chức:**% CP sở hữu:**

• Quỹ đầu tư PXP (Việt nam)	7,79%
• JF Vietnam Opportunities Fund	4,45%
• Lionel Hill Limited	3,79%
• Beira Limited	3,28%
• Epsom Limited	3,27%
• Lion Global Vietnam Fund	3,26%
• Tong Yang Vietnam Privatisation Trust Fund	2,50%
• Greystanes Limited	2,00%
• Vietnam Emerging Equity Fund LTD	1,49%
• Franklin Templeton Investment Funds	1,36%

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn:

<u>Tên tổ chức/ cá nhân:</u>	<u>% CP sở hữu:</u>		<u>Chênh lệch (+/-)</u>
	Ngày 13/3/09	Ngày 15/3/10	
• Công ty SCIC	20,91%	19,20%	-1,71%
• Công ty CP Chứng khoán SSI	0%	7,89%	+ 7,89%
• Quỹ đầu tư PXP (Việt nam)	7,63%	7,79%	+0,16%
• Quỹ Tầm nhìn SSI	2,53%	6,71%	+ 4,18%
• Lion Capital Vietnam Fund	0,99%	3,26%	+ 2,27%
• Vietnam Emerging Equity Fund LTD	4,51%	1,49%	-3,02%

BK số: 01/BCTN2009: KẾ HOẠCH DOANH THU TOÀN CÔNG TY NĂM 2010:

	<u>Khối lượng tiêu thụ:</u>			<u>Doanh thu tiêu thụ (1.000 đồng)</u>			
	<i>Tổng cộng</i>	<i>Cty SSC</i>	<i>Cty NNA</i>	<i>Tổng cộng</i>	<i>Cty SSC</i>	<i>Cty NNA</i>	<i>Cty cơ khí</i>
Hạt giống (kg)	10.814.109	10.528.609	285.500	301.820.900	288.232.900	13.588.000	
1. Lúa các loại:	5.820.000	5.820.000		108.180.000	103.160.000	5.020.000	
1.1 Lúa thuần	4.210.000	4.210.000		36.710.000	35.940.000	770.000	
1.1.1 Lúa nguyên chủng	440.000	370.000	70.000	4.370.000	3.600.000	770.000	
1.1.2 Lúa xác nhận :	3.840.000	3.840.000		32.340.000	32.340.000	0	
1.2 Lúa lai	1.700.000	1.610.000	90.000	71.470.000	67.220.000	4.250.000	
2. Bắp lai các loại:	4.216.500	4.041.000	175.500	157.651.000	151.363.000	6.288.000	
2.1 Bắp vàng	3.156.000	3.071.000	85.000	115.238.000	111.688.000	3.550.000	
2.2 Bắp nếp	1.060.500	970.000	90.500	42.413.000	39.675.000	2.738.000	
3. Rau các loại (kg)	126.359	126.358,55		20.903.400	20.403.400	500.000	
3.1 Họ bầu bí	5.130	5.130,00		6.216.000	6.216.000		
3.2 Họ Cà	759	758,55		4.448.900	4.448.900		
3.3 Họ Thập Tự	67.360	67.360,00		5.102.500	5.102.500		
3.4 Họ đậu	23.100	23.100,00		2.735.000	2.735.000		
3.5 Họ khác	30.010	30.010		1.901.000	1.901.000		
4. Hạt cỏ	11.250	11.250		696.500	696.500		
5. Đậu	640.000	530.000	110.000	14.390.000	12.610.000	1.780.000	
6. Vật tư NN (kg/lít)	130.660	130.660		16.400.610	16.400.610		
7. Bắp NS (tấn)	1.500	1.500,00		5.700.000	5.700.000		
8. Xăng dầu (lít)	298.135		298.135	3.750.780		3.750.780	
9. Sản phẩm cơ khí	0			5.000.000			5.000.000
TỔNG CỘNG				332.672.290	310.333.510	17.338.780	5.000.000

BK số: 02/BCTN2009: KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN TOÀN CÔNG TY NĂM 2010

(ĐVT: đồng)

STT	CHỈ TIÊU	KH 2010
1	Tổng doanh thu	332.672.290.175
2	Giá vốn hàng bán	216.701.088.175
3	Lãi gộp	115.971.202.000
4	Chi phí bán hàng	32.123.590.961
5	Chi phí quản lý DN	22.417.489.676
6	Lợi nhuận trước thuế	64.127.283.563
7	Thuế TNDN	12.662.500.000
8	Lợi nhuận sau thuế	51.464.783.563
9	Phân phối lợi nhuận	
*	Trích lập quỹ	31.323.125.000
-	Quỹ dự trữ bắt buộc (5%*LN sau thuế)	2.524.375.000
-	Quỹ KKPT (15%*LNST+LN còn lại)	24.774.375.000
-	Quỹ khen thưởng & phúc lợi	4.024.375.000
*	Thù lao HĐQT & BKS không kiêm nhiệm	461.023.134
*	Cổ tức dự kiến	18.740.000.000
-	Vốn Điều lệ	160.000.000.000
-		
Ghi chú: Năm 2010 lợi nhuận cty NNA dùng để bù trừ lỗ các năm trước:		940.635.429

BK số: 03/BCTN2009: KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN CÔNG TY SSC NĂM 2010 (không bao gồm công ty con)

(ĐVT: đồng)

STT	CHỈ TIÊU	KH 2010
1	Tổng doanh thu	310.333.510.000
2	Giá vốn hàng bán	197.773.975.500
3	Lãi gộp	112.559.534.500
4	Chi phí bán hàng (10%*DTT)	31.033.351.000
5	Chi phí quản lý DN (7%*DTT)	21.723.345.700
6	Lợi nhuận tài chính	2.697.162.200
7	Lợi nhuận trước thuế (bao gồm hoạt động tài chính)^(*)	62.500.000.000
8	Thuế TNDN 20%	12.500.000.000
9	Lợi nhuận sau thuế	50.000.000.000
10	Phân phối lợi nhuận	
	Trích lập quỹ	31.100.000.000
-	Quỹ dự trữ bắt buộc (5%*LN sau thuế)	2.500.000.000
-	Quỹ KKPT (15%*LNST+LN còn lại)	24.600.000.000
-	Quỹ khen thưởng & phúc lợi (8%*LN sau thuế)	4.000.000.000
	Thù lao HĐQT & BKS không kiêm nhiệm	400.000.000
	Cổ tức 15%VĐL ^(**)	18.500.000.000
-	Vốn điều lệ	150.000.000.000
Ghi chú: ^(*) Thu nhập từ dự án 282 LVS sẽ bổ sung khi có phát sinh thực tế trong năm		
^(**) Chi tiết chi trả cổ tức: (100 tỷ * 8% + 150 tỷ * 7%)		

BK số:04/BCTN2009: Báo cáo thực hiện các dự án đầu tư TSCĐ và XDCB năm 2009:

(ĐVT: Triệu đồng)

STT	Tên dự án đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Đầu tư năm 2009	Thực hiện năm 2009	Vốn chưa sử dụng
1	Trạm GCT Củ Chi	Nộp tiền sử dụng đất 2.900 m2 & chuyển đổi GCN	1.279,20	1.279,20	998,43	0
		Máy coating, hút ẩm, Mái che kho 1&kho 5 (300m2); nền kho CThành	500,00	500,00	768,59	0
2	Trạm GCT Tây Nguyên	Làm đường vào Trạm, cân điện tử	500,00	500,00	25,08	474,92
3	Trại GCT Lâm Hà	Đầu tư mở rộng (Văn phòng, nhà xưởng, thiết bị, phytotron)	5.655,01	5.655,01	11,74	5.643,27
4	Nhà máy Chế biến GCT Hà Nội	Xe nâng 2,5- 3 tấn	400,00	400,00	257,85	0
5	Tin học hóa quản lý	Ứng dụng nâng cấp quản lý DN	1.198,55	300,00	0	1.198,55
6	Năng cao năng lực quản trị	Dự án tái cấu trúc tổ chức	700,00	700,00	305,88	394,12
7	Trung tâm nghiên cứu GCT miền Nam (Giai đoạn I)	Lab, nhà kính, máy kéo, máy sấy	2.474,68	2.474,68	610,72	1.863,96
		Khu nghiên cứu lúa lai Cai Lậy	798,44	798,44	789,09	0
8	Trạm GCT Cai Lậy	Mái che nối 2 kho			65,36	0
9	Phương tiện ô tô	02 xe 7 chỗ	1.200,00	1.200,00	1.186,87	0
10	Trại GCT Cờ Đỏ	Nhà khách, cân 3 tấn, S/C hội trường, kho; nạo vét kênh;	600,00	600,00	108,08	491,92
	Tổng cộng	Triệu đồng	15.305,88	14.407,33	5.127,70	10.066,73

BK số:05/BCTN2009: Kế hoạch mua sắm TSCĐ và đầu tư XDCB năm 2010

STT	Tên dự án đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư		Đầu tư năm 2010		Nguồn vốn đầu tư	Thời gian thực hiện dự án
			Triệu USD	Triệu đồng	Triệu USD	Triệu đồng		
1	Trung tâm thương mại 282 Lê Văn Sỹ	Văn phòng - Căn hộ cao cấp	45,00		2,00		Giá trị đất + vốn góp của đối tác	2010-2013
2	Trạm GCT Củ Chi	Mái che nối kho; Sửa nền kho Cường Thành; Máy sàng trọng lượng; Máy xử lý Polymer; Nhà bảo vệ + Công; Kho mát; Băng tải;		1.603,77		1.603,77	Vốn chủ sở hữu	2010
3	Trạm GCT Tây Nguyên	Làm đường nhựa; 02 Bìn sấy vĩ ngang; Máy hút hạt; Xe tải 4,5 tấn.		1.773,17		1.773,17	Vốn chủ sở hữu	2010
4	Trại GCT Lâm Hà	Đầu tư mới (Văn phòng, nhà xưởng, thiết bị, phytotron)		6.845,56		6.845,56	Vốn chủ sở hữu	2010
5	Chi nhánh Hà Nội	Xe tải 4,5 tấn Hino.		600,00		600,00	Vốn chủ sở hữu	2010
6	Trạm GCT Cai Lậy	Nhà kho; Bìn sấy 30 tấn; máy hút hạt		1.165,50		1.165,50	Vốn chủ sở hữu	2010
7	TTNC GCT miền Nam	Thiết bị phòng Lab; Nhà lưới; Nhà sấy; Cải tạo 10 đất trồng keo thành khu sản xuất		2.858,05		2.858,05	Vốn chủ sở hữu	2010
8	Trại GCT Cờ Đỏ	Nhà khách- Hội trường, kho; Beton nền kho; xe nâng; máy hút hạt,...		1.438,00		1.438,00	Vốn chủ sở hữu	2010
9	Văn phòng Công ty	01 ô tô con Camry + 01 xe tải 1,25 tấn Hyundai		1.800,00		1.800,00	Vốn chủ sở hữu	2010
		Dự án tái cấu trúc		394,12		394,12		
		Dự án Tin học hóa quản lý		1.198,55		1.198,55		
	Tổng cộng	Triệu đồng		19.676,72		19.676,72		
		Triệu USD	45,00		2,00			

Phụ lục: BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2009 (đã được kiểm toán)**1. Báo cáo kết quả SXKD năm 2009**

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2008
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	281.880.989.635	212.300.513.178
2	Các khoản giảm trừ	23.751.241.541	10.197.291.763
3	Doanh thu thuần về bán hàng	258.129.748.094	202.103.221.415
4	Giá vốn hàng bán	155.000.215.566	134.505.807.411
5	Lợi nhuận gộp	103.129.532.528	67.597.414.004
6	Doanh thu hoạt động tài chính	4.675.884.087	4.558.023.291
7	Chi phí tài chính	1.927.844.964	3.096.345.970
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>443.089.790</i>	<i>781.119.872</i>
8	Chi phí bán hàng	21.531.695.312	15.641.258.652
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	28.677.180.242	19.707.672.468
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	55.668.696.097	33.710.160.205
11	Thu nhập khác	695.142.431	60.290.048
12	Chi phí khác	84.500.000	36.272.697
13	Lợi nhuận khác	610.642.431	24.017.351
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	56.279.338.528	33.734.177.556
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.645.391.704	3.413.577.169
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	50.633.946.824	30.320.600.387
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	5.095	3.044

2. Bảng cân đối kế toán đến ngày 31/12/2009

Stt	Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
A	TÀI SẢN		
I	Tài sản ngắn hạn	173.819.183.096	115.598.518.200
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	87.824.115.076	44.586.571.201
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0
3	Các khoản phải thu	30.356.577.666	21.709.614.441
4	Hàng tồn kho	52.669.900.960	46.711.465.996
5	Tài sản ngắn hạn khác	2.968.589.394	2.590.866.563
II	Tài sản dài hạn	59.073.865.847	53.976.670.269
1	Các khoản phải thu dài hạn	0	0

2	Tài sản cố định	52.623.942.802	49.956.132.157
	Tài sản cố định hữu hình	20.806.425.951	21.205.002.097
	Tài sản cố định thuê tài chính	0	0
	Tài sản cố định vô hình	31.255.619.992	28.582.340.710
	Gía trị xây dựng cơ bản dở dang	561.896.859	168.789.350
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4.211.000.000	11.000.000
5	Tài sản dài hạn khác	2.238.923.045	4.009.538.112
	Tổng cộng tài sản	232.893.048.943	169.575.188.469
B	NGUỒN VỐN		
I	Nợ phải trả	58.240.404.777	30.359.241.911
1	Nợ ngắn hạn	54.478.284.825	25.620.343.987
2	Nợ dài hạn	3.762.119.952	4.738.897.924
II	Vốn chủ sở hữu	174.652.644.166	139.215.946.558
1	Vốn chủ sở hữu	172.682.609.822	138.317.699.014
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	100.000.000.000
	Thặng dư vốn cổ phần	2.793.274.000	528.054.000
	Cổ phiếu quỹ	(26.450.000)	(2.728.050.000)
	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(185.373.216)	
	Quỹ đầu tư phát triển	35.416.469.775	24.437.054.911
	Quỹ dự phòng tài chính	8.522.981.304	6.738.202.054
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	26.161.707.959	9.342.438.049
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	1.970.034.344	898.247.544
	Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.970.034.344	898.247.544
	Tổng nguồn vốn	232.893.048.943	169.575.188.469

Bảng số: 06/BCTN2009: QUYẾT TOÁN CHI TRẢ THÙ LAO HĐQT & BKS NĂM 2009

STT	KHOẢN MỤC	TỔNG SỐ (đồng)	CHI CHÚ
I.	Chỉ tiêu thực hiện		
1.	Doanh thu thực hiện	2	
2.	Lợi nhuận sau thuế kế hoạch điều chỉnh (A)		So với KH ban đầu tăng trên 8 tỷ.
3.	Lợi nhuận thực hiện (B)		
4.	LNST tăng so KH (Tổng cộng) $C=(A-B)$		
4.a	LNST tăng so KH trong khoảng 10% (C)		(*1%) = 39.000.000 đồng
4.b	LNST tăng so KH trong khoảng 10-20% (D)		(* 2%) = 78.000.000 đồng
4.c	LNST tăng so KH trong khoảng 20-30% (E)		(*3%) = 115.018.405 đồng
II.	Mức thù lao HĐQT & BKS theo KH (F)		$F=B*2\%$
III.	Mức thù lao tăng thêm do tăng LNST KH (G)	2	$G=C+D+E$
IV.	Tổng mức thù lao cho HĐQT & BKS 2009 (H)		$H=F+G$